BỘ NỘI VỤ
HỘI ĐỒNG THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC VÀ THĂNG HẠNG CDNN VIÊN CHỨC NĂM 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH CÔNG CHỨC THI MÔN NGOẠI NGỮ CA 02
KỲ THI NÂNG NGẠCH CHUYÊN VIÊN CHÍNH NĂM 2020
Địa điểm: Phòng máy số 02, Tầng 2, Nhà D

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Số báo danh	Chức vụ, chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị công tác	Được miễn thi ngoại ngữ	Ngoại ngữ dự thi
			Nam	Nữ					
(1)	*(2)*		*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
1	Dương Văn	Mạnh	2/9/1982		**1222**	Chuyên viên	Bộ Xây dựng		Tiếng Anh
2	Nguyễn Thị Lệ	Minh		12/4/1979	**1223**	Chuyên viên	Bộ Nội vụ		Tiếng Anh
3	Vương Trọng	Minh	13/02/1978		**1224**	Chuyên viên	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
4	Đặng Quang	Minh	2/7/1977		**1225**	Chuyên viên	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
5	Đặng Thị Tuyết	Minh		30/12/1980	**1228**	Chuyên viên	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh
6	Hoàng Văn	Minh	16/5/1981		**1229**	Trưởng phòng	UBND huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên		Tiếng Anh
7	Lý Thị	Mười		23/7/1971	**1231**	Chuyên viên	Ủy ban Dân tộc		Tiếng Anh
8	Vũ Hải	Nam	28/4/1976		**1232**	Chuyên viên	Bộ Xây dựng		Tiếng Anh
9	Bạch Thành	Nam	20/9/1973		**1233**	Chuyên viên	Bộ Xây dựng		Tiếng Anh
10	Đặng Hoài	Nam	16/3/1977		**1234**	Phó trưởng phòng	Bộ Xây dựng		Tiếng Anh

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Số báo danh	Chức vụ, chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị công tác	Được miễn thi ngoại ngữ	Ngoại ngữ dự thi
			Nam	Nữ					
11	Vũ Thành	Nam	01/6/1975		**1235**	Chuyên viên	Bộ Xây dựng		Tiếng Anh
12	Phạm Giang	Nam	10/9/1973		**1236**	Chuyên viên	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
13	Lê Thị	Nga		3/7/1979	**1237**	Phó trưởng phòng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh
14	Đỗ Thị Tường	Nga		11/4/1974	**1239**	Phó Vụ trưởng, Phó Văn phòng	Bộ Xây dựng		Tiếng Anh
15	Phạm Thị	Ngoan		10/9/1984	**1241**	Chuyên viên	Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên		Tiếng Anh
16	Vĩnh Bảo	Ngọc	24/10/1980		**1242**	Phó Chánh Văn phòng	Đại học Quốc gia Hà Nội		Tiếng Anh
17	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt		29/10/1978	**1243**	Chuyên viên	Bộ Nội vụ		Tiếng Anh
18	Nguyễn Hữu	Nhã	24/07/1978		**1244**	Chuyên viên	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
19	Ngô Nguyên	Nhan	8/10/1976		**1245**	Phó trưởng phòng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh
20	Mạc Văn	Nhì	26/01/1981		**1246**	Chuyên viên	Bộ Nội vụ		Tiếng Anh
21	Hoàng Trọng	Nhu	22/12/1983		**1247**	Giám đốc	Trung tâm Quan trắc - Thông tin TNMT, tỉnh Hưng Yên		Tiếng Anh
22	Trần Thị	Nhung		04/01/1974	**1250**	Chuyên viên	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
23	Giang Thị Phương	Nhung		26/11/1983	**1251**	Chuyên viên	Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hưng Yên		Tiếng Anh
24	Trần Tự	Phong	26/12/1980		**1253**	Phó Trưởng phòng	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Số báo danh	Chức vụ, chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị công tác	Được miễn thi ngoại ngữ	Ngoại ngữ dự thi
			Nam	Nữ					
25	Nguyễn Hải	Phong	20/8/1978		**1254**	Trưởng phòng	UBND huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên		Tiếng Anh
26	Nguyễn Hồng	Phú	27/8/1977		**1255**	Phó trưởng phòng	Bộ Xây dựng		Tiếng Anh
27	Hoàng Quý	Phúc	21/9/1981		**1256**	Chuyên viên	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
28	Tiến Hồng	Phúc	8/10/1971		**1257**	Phó trưởng phòng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh
29	Vũ Thế	Phước	29/5/1979		**1259**	Chuyên viên	Bộ Nội vụ		Tiếng Anh
30	Nguyễn Thị	Phương		27/06/1974	**1261**	Chuyên viên	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
31	Nguyễn Minh	Phương	16/9/1980		**1262**	Phó Vụ trưởng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh